

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT THỤ ĐẮC TIẾNG MẸ ĐỂ VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO TRẺ EM

APPLYING FIRST LANGUAGE ACQUISITION THEORY
TO TEACH ENGLISH TO CHILDREN

HUỖNH THỊ BÍCH VÂN

(ThS-NCS; Học viện Khoa học Xã hội)

Abstract: Learning English is a very hard process for many people, however, it seems much easier for very young learners. Children own excellent language competence. Most children can speak their first language fluently at 4-5 years old without any formal learning. Because they acquire the language naturally, not learn. In what ways do they acquire it? Could these methods be applied to acquire English (like a foreign language)? The article will introduce some of these methods and techniques.

Key words: language acquisition; teaching English to children; English teaching methods; learn or acquire.

1. Một số vấn đề về thụ đắc ngôn ngữ

1.1. Một số quan điểm trên thế giới về thụ đắc tiếng mẹ đẻ

Xung quanh vấn đề thụ đắc tiếng mẹ đẻ, có một số quan điểm đáng chú ý như sau

- *Quan điểm đi theo hướng nghiên cứu thuần túy ngôn ngữ học:* Đây là quan điểm đi theo hướng chỉ miêu tả thuần túy ngôn ngữ (NN) theo trình tự xuất hiện của những hiện tượng NN trong lời nói của trẻ.

-*Quan điểm đi theo hướng nghiên cứu tâm lý-ngôn ngữ học (Theo nguyên lý của lý thuyết hoạt động lời nói):* A.A. Leontiev cho rằng ngay từ đầu lời nói của trẻ đã có tính xã hội, trẻ đã sớm sử dụng ngôn ngữ để thiết lập quan hệ với bố mẹ và những người xung quanh. Ông cũng chỉ ra rằng chính bằng con đường “bắt chước đơn giản nhất” đứa trẻ đã nắm được NN thứ nhất. Ông xem sự giao tiếp trong mối quan hệ tác động qua lại giữa các thành viên trong xã hội. Nhìn chung, theo nhiều nhà ngôn ngữ học thuộc trường phái L.S. Vygotsky thì những kinh nghiệm xã hội-lịch sử được hình thành và củng cố thông qua hoạt động giao tiếp của trẻ với những người xung quanh là nhân tố quyết định sự phát triển NN của trẻ. Theo họ, việc tiếp thu tiếng mẹ đẻ (TMĐ) là quá trình chủ động. Đó là quá trình kết hợp giữa cái bắt chước và cái sáng tạo, giữa những yếu tố thuộc về chủ quan (như sự phát triển của tâm lý, sinh lý) và những yếu tố khách quan (như điều kiện sống, giáo dục, môi trường bên ngoài) chứ không phải thuộc về bẩm sinh. Chỉ có năng lực tiềm tàng học được NN của con người mới có tính bẩm sinh mà thôi. Còn năng lực ấy có được hiện thực hóa để trẻ nắm được TMĐ hay không còn phụ thuộc vào xã hội như điều kiện giáo dục, môi trường xung quanh...

- *Quan điểm nhận thức:* Piaget đi theo hướng nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em gắn liền với sự phát triển trí năng của đứa trẻ. Theo ông, khi nghiên cứu quá trình thụ đắc TMĐ của trẻ cần phải gắn liền với quá trình phát triển của nó.

- *Quan điểm của chủ nghĩa hành vi:* cho rằng quá trình thụ đắc NN của trẻ em là quá trình bắt chước và lặp lại những gì trẻ em nghe được của người lớn. Quan điểm này lại không giải thích được vì sao trẻ mắc những lỗi ngữ pháp.

- *Quan điểm bẩm sinh:* D.J. Slobin nêu một giả thuyết rằng, trẻ có một bộ các thuộc tính bẩm sinh mà nội dung của chúng trùng

với phổ quát các NN. Chomsky cho rằng việc học nắm NN ở trẻ là triển khai một cơ chế đã sẵn có từ trước. Một hệ thống NN nào đó của trẻ được tiếp thu, chỉ là một sự cụ thể hóa cái lược đồ ngữ pháp chung. Những người theo quan điểm bẩm sinh khẳng định rằng việc tiếp thu NN không phải là do trẻ học được trong quá trình giao tiếp mà vốn là bẩm sinh, được phát triển cùng với sự trưởng thành của cơ thể.

1.2. Phân biệt “thụ đắc” và “học”

1.2.1. Có thể nói, sự phân biệt giữa thụ đắc và học tập là ý tưởng trung tâm trong lý thuyết giáo dục. Đó là sự phân biệt giữa cách tiếp cận diễn dịch và quy nạp, giữa việc học trong lớp và việc học tự nhiên, giữa việc học ngôn ngữ NN chính thức và việc học NN không chính thức.

Thụ đắc là một quá trình nhận thức đạt được từ sự giao tiếp mà NN là phương tiện chứ không phải là mục đích; còn học tập chỉ diễn ra ở những tình huống chính thức trong đó chủ đích của NN là để dạy. Theo Krashen (1981), thụ đắc trực tiếp hay tích lũy tự nhiên là hoạt động vô thức diễn ra khi ta tiếp xúc trực tiếp với ngoại ngữ nhằm mục đích truyền thông, tương tự như quá trình trẻ em học TMĐ, đòi hỏi một sự tương tác đầy ý nghĩa ở NN đích, một sự giao tiếp tự nhiên mà người nói không quan tâm đến hình thức của lời nói, mà chỉ quan tâm đến thông điệp cần chuyển tải và cần hiểu. Việc sửa lỗi và giảng dạy những quy tắc là không phù hợp với thụ đắc NN, người thụ đắc có thể tự điều chỉnh nhờ vào cảm quan văn phạm. Học gián tiếp là hoạt động có ý thức diễn ra khi ta học thuộc các kiến thức về ngoại ngữ như danh sách từ vựng, quy tắc văn phạm,... Học ngoại ngữ tập trung sản phẩm đầu ra trước khi thu nhận đủ nhiều đầu vào, dẫn tới kết quả là người học thường hay chuyển đổi (transfer) từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ thứ hai, dẫn đến kết quả là họ luôn nói như ngoại ngữ chứ không đạt mức bản ngữ. Theo tác giả, thụ đắc trực tiếp đóng vai trò

chủ đạo trong việc hình thành khả năng ngoại ngữ và là nhân tố duy nhất tạo nên sự lưu loát. Học gián tiếp chỉ có tác dụng giúp cải thiện tính chính xác bằng cách kiểm soát và sửa lỗi đầu ra tức thời bên trong trước khi diễn đạt ra bên ngoài.

Như vậy, học và thụ đắc là hai quá trình có thể bổ sung cho nhau, nhưng cần chú trọng quá trình thụ đắc tự nhiên để đạt mức độ lưu loát như bản ngữ. Tuy nhiên, chỉ có đối tượng người học là trẻ em mới áp dụng được thành công phương pháp *dạy học* ngoại ngữ kết hợp *thụ đắc* ngoại ngữ, nói cách khác, là dạy ngoại ngữ theo cách thức trẻ dùng để thụ đắc TMD.

1.2.2. Theo Trần Hữu Luyện (2008), sự khác nhau căn bản nhất giữa quá trình thụ đắc ngoại ngữ và TMD là ý thức. Thụ đắc TMD được bắt đầu theo con đường tự phát, không có sự căng thẳng của ý thức. Đứa trẻ hoàn toàn không bận tâm là thụ đắc cái gì và thụ đắc như thế nào, mà hoàn toàn “vô thức” trong thụ đắc TMD. Chỉ khi học TMD trong nhà trường thì ý thức mới tham gia vào. Nhưng lúc này, đứa trẻ đã nắm vững được TMD. Quá trình thụ đắc NN được diễn ra trong môi trường học tập ở nhà trường, là một hoạt động có ý thức, có tổ chức. Người học ngoại ngữ luôn bị căng thẳng bởi ý thức phải tham gia vào để soi sáng những nội dung muốn học. Sự tham gia của ý thức sẽ giảm dần theo mức độ thụ đắc của người học. Khi thụ đắc ngoại ngữ ở mức không có sự tham gia của ý thức vào tổ chức các hình thức của NN, mà ý thức chỉ tập trung vào nội dung của lời nói, vào quan hệ của chủ thể trong giao tiếp thì lúc đó được coi là nắm vững NN này.

Các nhà tâm lý học và lý luận dạy học NN lấy sự giải phóng ý thức khỏi việc tổ chức hình thức lời nói và quan hệ của chủ thể trong giao tiếp làm tiêu chí xác định các mức độ thụ đắc NN của người học. (L.S. Vygotsky, N.A. Bernstein, A.A. Leontiev, L.V. Scherba...).

2. Vận dụng lý thuyết thụ đắc TMD vào giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em

2.1. Một số phương pháp và mô hình vận dụng quá trình thụ đắc TMD vào giảng dạy ngoại ngữ trên thế giới

Các nhà nghiên cứu đã khẳng định để việc giảng dạy NN cho trẻ em có hiệu quả phải dựa trên sự hiểu biết về tâm sinh lý của trẻ em và đặc biệt là dựa trên đặc điểm tiếp thu NN hoặc ngoại ngữ của trẻ em, vốn khác biệt so với việc học NN của người trưởng thành (Cameron, 2001; Arthur & Cremin, 2010).

Khác với người trưởng thành, trẻ em cần có một thời gian dài nghe và hiểu lượng từ ngữ trước khi có thể sử dụng nó dưới hình thức phát ngôn hay diễn đạt viết (McKay, 2006; Moon, 2000, 2005; Cremin và cộng sự, 2007). Các phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em cần đáp ứng đặc điểm này và cần tạo điều kiện để cung cấp cho trẻ em một lượng từ ngữ cơ bản trong một thời gian phù hợp cho đến khi các em đạt đến ngưỡng sẵn sàng sử dụng được NN. Các phương pháp dạy ngoại ngữ cho trẻ em đều chú trọng khai thác yếu tố màu sắc, âm thanh và các vật thể, hình ảnh của những sự vật hiện tượng mà các em đang học. Phương pháp giảng dạy đặc biệt nhấn mạnh yếu tố “thực hiện nhiệm vụ” (task-based) để trẻ em vừa học vừa hiểu được ngoại ngữ thông qua việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Phương pháp giảng dạy cho trẻ em còn chú trọng xây dựng động cơ học thông qua yếu tố vui chơi. Vì thế việc ứng dụng các trò chơi NN, các giai điệu (chant), bài hát vào trong quá trình dạy học được xem là quan trọng đặc biệt. Các phương pháp này đã được ứng dụng ở nhiều khu vực, ở nhiều nước và đã có những tác động tích cực ghi nhận được về mặt số liệu thống kê đối với năng lực sử dụng ngoại ngữ của trẻ em.

Ngoài các phương pháp trên, trẻ em đạt được năng lực ngoại ngữ như thế là do thu nạp NN một cách tự nhiên, các em cũng học

ngoại ngữ một cách vô thức, trẻ có khả năng bắt chước cách phát âm và tự hình thành quy luật cho riêng mình. Nói cách khác, trẻ có thể vận dụng chiến lược thụ đắc TMD để học ngoại ngữ.

H.H. Stern (1970) đã tóm tắt những tranh luận phổ biến về việc đề xuất phương pháp hay tiến trình giảng dạy ngoại ngữ về cơ bản dựa trên việc thụ đắc TMD, đó là:

1) Trong giảng dạy NN, cần cho trẻ thực hành và thực hành nhiều lần. Trẻ học TMD bằng cách lặp lại nhiều lần trong suốt giai đoạn học NN. Đó là điều mà chúng ta cũng phải làm khi học một ngoại ngữ.

2) Việc học NN chủ yếu là bắt chước. Trẻ em bắt chước giỏi nên trong giảng dạy ngoại ngữ, giáo viên cần làm mẫu, lặp lại nhiều lần cho học sinh bắt chước, hoặc tạo bài tập có yếu tố lặp lại.

3) Trong quá trình thụ đắc TMD, trẻ thực hành âm, sau đó là từ, rồi đến câu. Đây là trình tự tự nhiên và vì thế cũng đúng đối với việc học ngoại ngữ.

4) Trong quá trình phát triển lời nói của trẻ em, đầu tiên là học nghe, sau đó là học nói. Đọc và viết là những giai đoạn phát triển cao của sự phát triển NN. Trình tự này cũng được tuân thủ khi dạy ngoại ngữ.

5) Trẻ em đơn giản là cần sử dụng NN. Chúng không học ngữ pháp. Có thể không cần nói với trẻ về danh từ hay động từ mà trẻ vẫn có thể học NN tuyệt vời. Tương tự như thế, cũng không cần thiết sử dụng những khái niệm ngữ pháp trong giảng dạy ngoại ngữ cho trẻ.

2.2. Vận dụng quá trình thụ đắc tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em

2.2.1. Đặc điểm quá trình thụ đắc tiếng Việt của trẻ em Việt Nam

Từ các nghiên cứu trên có thể rút ra nhận xét về quá trình thụ đắc tiếng Việt của trẻ em Việt Nam như sau: Do đặc thù của tiếng Việt là NN đơn lập, không biến hình nên quá trình thụ đắc cũng có một số khác biệt so với quá trình thụ đắc NN khác loại hình. Điều đó

cũng gây một số khó khăn cho trẻ em Việt Nam trong giai đoạn đầu thụ đắc tiếng Anh, vì tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình, có trọng âm. Trong ngữ âm, tiếng Việt không có những nguyên âm như /i:/, /æ/, ...; không có những phụ âm đầu /p/, /^h/, /^h/ ... nên thường trẻ em cũng như người lớn học tiếng Anh thường bị phát âm sai những từ có chứa các âm này. Ngoài ra, ngữ điệu trong tiếng Anh cũng là vấn đề nan giải đối với người học, vì nó là phương tiện để phân biệt một số kiểu câu, vừa có thể là phương tiện biểu lộ thái độ, vừa còn có chức năng nhấn giọng để chuyển tải thông tin cần nhấn mạnh. Văn phạm cũng khác nhiều, do ảnh hưởng tiếng Việt, trẻ em có thể mắc lỗi ở cách sắp xếp trật tự từ trong câu, ví dụ các em thường nói *a dog black* thay cho trật tự từ đúng ngữ pháp tiếng Anh là *a black dog* (*con chó mực*).

Sự phát triển NN ở trẻ em thật đáng kinh ngạc, nó diễn ra và thay đổi mỗi ngày. Dù tiếng Việt được cho là NN khó, cả về thanh âm, chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa ... nhưng thực tế chúng ta nhận thấy trẻ em Việt Nam bình thường 4 tuổi là đã có thể giao tiếp tốt bằng TMD. *Vậy chúng ta có thể tận dụng được gì từ khả năng thụ đắc TMD này để giúp trẻ em học tốt ngoại ngữ?*

2.2.2. Vận dụng quá trình thụ đắc tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em

Như đã trình bày ở trên, trẻ thụ đắc TMD một cách tự nhiên, không có (hoặc có rất ít) sự tham gia của ý thức. Trẻ không cần hiểu quy luật ngữ pháp. Trẻ không xấu hổ khi nói sai. Trẻ lắng nghe nhiều lần từ người lớn, lặp lại, bắt chước và sáng tạo... Tất cả những đặc điểm tâm lý này có thể được vận dụng để giúp trẻ thụ đắc ngoại ngữ. Ngoài ra, ở lứa tuổi tiểu học (bắt đầu từ 6 tuổi), đây là thời điểm tốt nhất để các em thụ đắc một NN mới, khi mà TMD đủ thành thạo, và các em chưa qua khỏi thời điểm vàng (*critical period*). (Theo thuyết “*giai đoạn then chốt*”: có một lý luận là giai đoạn vàng để thụ đắc

ngoại ngữ / ngôn ngữ thứ hai diễn ra trước tuổi dậy thì, sau thời gian đó, người ta không còn khả năng thụ đắc sự phát âm giống như người bản ngữ của ngôn ngữ thứ hai).

Theo lý thuyết về thụ đắc TMD trình bày ở phần trên, nhà giáo dục có thể áp dụng để giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em một cách có hiệu quả, từ việc chọn giáo trình, phương pháp phù hợp, đến yêu cầu về giáo viên phải hiểu biết tâm sinh lý trẻ, nắm được quy trình thụ đắc NN nói chung để vận dụng vào giảng dạy. Có như thế mới có thể phát huy hết năng lực NN của trẻ và khai thác hiệu quả nhất ưu thế của trẻ trong thụ đắc ngoại ngữ. Trẻ em vẫn sử dụng các phương thức mang tính cá nhân và bẩm sinh để tiếp thu TMD của mình, và các em sẽ sớm nhận ra những phương thức này cũng có thể áp dụng trong việc học tiếng Anh. Những trẻ em có cơ hội được học ngoại ngữ từ khi còn nhỏ có xu hướng sử dụng các phương pháp bẩm sinh sẵn có để học ngôn ngữ trong suốt cuộc đời mình.

Giống như quá trình thụ đắc TMD, trong việc học tiếng Anh, kỹ năng nghe, nói sẽ được hình thành trước kỹ năng đọc và viết một cách hết sức tự nhiên.

Theo Brester và Ellis (2002), việc thụ đắc TMD và NN thứ hai của trẻ giống nhau về quá trình học mặc dù điều kiện và môi trường học có thể rất khác nhau. Theo Ellis (1994), có một giai đoạn gọi là “giai đoạn im lặng” khi trẻ học TMD. Lúc này trẻ chỉ nhìn, lắng nghe và giao tiếp thông qua các biểu cảm trên gương mặt hoặc động tác trước khi trẻ bắt đầu biết nói. Khi trẻ em học tiếng Anh, cũng có một “giai đoạn im lặng” tương tự như vậy, các em sẽ tìm hiểu và nhận biết trước khi thực sự nói được bất kỳ từ tiếng Anh nào. Do đó, thời gian mới bắt đầu làm quen với tiếng Anh, giáo viên và phụ huynh không nên bắt các em lặp đi lặp lại các từ. NN nói chỉ nên một chiều - tức là giáo viên nói để trẻ có cơ hội nhận biết NN. Nếu giáo viên khích lệ để kích thích việc học, học sinh

có thể sẽ dùng những cách thức giống như khi các em học TMD để học tiếng Anh.

Sau giai đoạn im lặng sẽ là 4 giai đoạn khi học một NN như sau: 1/ Đầu tiên, trẻ có khả năng bắt chước người lớn và tự mình tìm ra các quy tắc của NN; 2/ Sau đó trẻ khái quát các quy tắc đó dựa vào một số điểm giống nhau mà chúng gặp khi tiếp xúc với NN đó; 3/ Ở giai đoạn tiếp theo, trẻ bắt đầu khái quát hóa và bắt đầu sử dụng các quy tắc một cách không chính xác và 4/ Cuối cùng, trẻ tự rút ra được quy tắc đúng nhất và sử dụng một cách chính xác. Sau một thời gian nhất định, tùy thuộc vào tần suất học tiếng Anh của các em, học sinh (bé gái thường học nhanh hơn bé trai) sẽ bắt đầu nói các từ đơn giản *book* (quyển sách), *table* (cái bàn), *teacher* (giáo viên),... hoặc các cụm từ ngắn như *What's that?* (cái gì đây?), *my book* (sách của tôi), *go home* (về nhà)....

Trong quá trình tập nói, trẻ sẽ tích cực tích lũy vốn từ tiếng Anh. Dần dần, trẻ xây dựng nên các cụm từ bao gồm 1 từ đơn mà trẻ đã ghi nhớ một cách vô thức từ trước và đồng thời thêm vào đó các từ của mình như: *a thick book* (quyển sách dày), *new tables* (những cái bàn mới), *my beautiful teacher* (cô giáo xinh đẹp của tôi), hoặc chủ động thêm vào các yếu tố mang tính cá nhân như: *that's my book* (kia là sách của tôi), *it's time I go home* (đến giờ tôi về)... . Tùy thuộc vào việc trẻ tiếp xúc với tiếng Anh có thường xuyên hay không và chất lượng của quá trình tiếp xúc đó như thế nào mà dần dần trẻ sẽ hình thành được các câu nói hoàn chỉnh.

Trong quá trình chuyển giao giữa các giai đoạn, việc mắc lỗi diễn ra rất tự nhiên. Theo Ellis (1994), trẻ em ở các nước khác nhau khi học tiếng Anh sẽ có khả năng mắc những lỗi giống nhau. Giống như quá trình thụ đắc TMD, trong giai đoạn tập nói, đôi khi khả năng NN của trẻ chưa theo kịp sự nhận thức nên trẻ sử dụng từ chưa đúng với nghĩa, chưa phù hợp tình huống, câu còn lủng củng, sai trật tự từ. Trẻ có thể nói những cụm từ,

những câu ngây ngô thật đáng yêu, mà người lớn không gặp khó khăn gì để hiểu. Trong tiếng Việt, các em có thể nói “*cái chú dài dài*” thay vì “*cái chú cao cao*”, thì trong tiếng Anh các em cũng có thể nói sai kiểu như vậy do không phân biệt được ý nghĩa các từ “long” và “tall”, hoặc chỉ biết một trong hai từ. Trẻ em học tiếng Anh còn dễ mắc lỗi về phát âm và ngữ pháp, do có thể bộ máy phát âm chưa hoàn chỉnh (thiếu răng, thay răng, ngọng do lưỡi lớn/dầy...) hoặc do các em chưa biết quy tắc ngữ pháp. Các em chỉ nói do tự phát, ngay cả khi thụ đắc TMD. Chẳng hạn, các em nói *I go swimming yesterday* (Hôm qua cháu đi bơi), *She walk to school* (Chị ấy đi bộ đến trường). Tuy nhiên, chúng ta không cần sửa lỗi ngay lập tức vì các em sẽ nhanh chóng tự nhận ra và tự điều chỉnh khi nghe giáo viên hoặc người khác nói đúng (*I went..., She walks...*)

Cũng giống như trong quá trình thụ đắc TMD, việc cho trẻ tiếp xúc càng nhiều với ngoại ngữ càng tốt, cho trẻ “tắm mình” trong ngoại ngữ sẽ giúp các em nhớ nhiều từ, quen ngữ điệu, phản xạ nhanh... Do đó, ở trường và ở nhà các em cần được tạo điều kiện tiếp xúc với tiếng Anh, như xem tivi kênh tiếng Anh (hoạt hình, ca nhạc, gameshow...), đọc truyện tranh bằng tiếng Anh, chơi với card có hình ảnh và chú thích tiếng Anh...

Trẻ học TMD nhanh còn có một lí do rất quan trọng, đó là trẻ có mục đích giao tiếp thật sự để thỏa mãn nhu cầu nào đó, ví dụ đói thì đòi ăn, muốn được đi chơi... nên đòi hỏi phải nỗ lực sử dụng NN “nói ra” những nhu cầu đó để được đáp ứng. Vì vậy, trong học tiếng Anh, giáo viên cũng cần tạo tình huống nhằm kích thích nhu cầu giao tiếp cho học sinh. Tình huống càng thực tế thì tính hiệu quả học tiếng Anh để giao tiếp sẽ càng cao.

Trẻ em đã quen với việc nhận thức TMD của mình trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Mặc dù các em có thể không hiểu tất cả

những từ mình nghe được bằng TMD, nhưng các em lại nắm bắt được bản chất của vấn đề - đó là chỉ cần hiểu được một vài từ quan trọng, rồi sử dụng các manh mối (clue) khác nhau để đoán ra các từ còn lại và từ đó hiểu được nghĩa của cả câu. Nếu có sự động viên đúng mức, trẻ em sẽ biết vận dụng được các kĩ năng này trong quá trình học tiếng Anh.

3. Kết luận

Trẻ em có một khả năng đặc biệt trong học ngôn ngữ qua tự khám phá và nhận thức chức năng của nó. Trẻ hình thành một ngôn ngữ qua quá trình tiếp nhận, học tập, sáng tạo, khám phá và thử nghiệm nhờ năng lực bẩm sinh ngôn ngữ. Các em bắt chước và lặp lại theo lời người lớn, tự ghép nối những từ rời theo những “quy tắc” các em cảm nhận được khi nghe người chung quanh nói và được điều chỉnh, rút kinh nghiệm theo sự chỉ bảo của người lớn cho đúng với tình huống sử dụng ... Tất cả những đặc điểm này đều có thể áp dụng vào việc dạy cho trẻ thụ đắc ngoại ngữ. Việc áp dụng này đối với đối tượng học là trẻ em thì mới có hiệu quả, do đó cần cho trẻ em tiếp cận ngoại ngữ càng sớm càng tốt. Từ tuổi dậy thì trở đi, việc học ngoại ngữ trở nên khó khăn hơn, giống như người lớn học ngoại ngữ. Để việc dạy-học tiếng Anh cho trẻ em mang lại hiệu quả cao, bên cạnh việc áp dụng các phương pháp, phương tiện hiện đại để giảng dạy ngoại ngữ, nếu giáo viên nắm được tâm sinh lí lứa tuổi cũng như nắm được quy trình, đặc điểm thụ đắc tiếng mẹ đẻ thì mới có thể vận dụng tốt những thao tác trong quá trình trẻ thụ đắc tiếng mẹ đẻ vào việc giảng dạy tiếng Anh cho trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Colin Baker (Đình Lư Giang dịch) (2008), *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.

2. Nguyễn Huy Cận (2001), *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hoàng Trường Giang (2010), *Dạy học tiếng Anh ở tiểu học - Những bước phát triển mới*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Ngành đào tạo giáo viên tiểu học với Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2008-2020.

4. Lưu Thị Lan (1996), *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

5. Trần Hữu Luyện (2008), *Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ* (Sách chuyên khảo), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

6. Bertolo Stefano (2001), *Language acquisition and learnability*, Cambridge University Press.

7. Bialystok E. (2006), *Second-language acquisition and bilingualism at an*

early age and the impact on early cognitive development, Published online, York University, Canada.

8. Brewster, J., Ellis, G. and Girard, D. (2002), *The primary English teacher's guide*, England, Penguin.

9. Cameron, L. (2005), *Teaching languages to young learners*, Cambridge, UK: Cambridge University Press.

10. Ellis, R. (1994), *The study of second language acquisition*, Oxford: Oxford University Press.

11. Krashen, S. (1981), *Second language acquisition and second language learning*, Oxford: Pergamon Press.

12. Moon, J. (2000), *Children learning English*, Oxford: Macmillan Education group.

13. Stern, H. H (1970), *Perspectives on second language teaching*, Toronto: Ontario Institute for Studies in Education.